TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-PT
Ngày: 31 - 01 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Trần Nam Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 283/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 199/7, Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn P, sinh năm 1949 (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1951 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông P: Bà Lê Thị H, sinh năm 1951; cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2022). (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2. Ông Trần Thành I, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2022 của nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:*

Ông P và bà H làm chủ hụi, ông là hụi viên có tham gia hụi với nhau, cụ thể:

Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 29/7/2018 âl, ba tháng khui một lần, có 14 phần, ông tham gia 01 phần, ông đóng hụi sống được 10 lần x 5.000.000 đồng = 50.000.000 đồng. Ông đã yêu cầu ông P và bà H trả tiền nợ hụi cho ông nhưng ông P và bà H không thừa nhận nợ và không trả tiền cho ông, nên ông có yêu cầu địa phương giải quyết nhưng hòa giải không thành.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn P và bà Lê Thị H có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi cho ông là 50.000.000 đồng.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị H và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn P trình bày:*

Bà không có làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 29/7/2018 âl, ba tháng khui một lần, có 14 phần và ông C tham gia 01 phần là của con dâu bà tên Nguyễn Thị U làm chủ hụi chứ không phải bà, vì vợ chồng bà không còn làm chủ các dây hụi từ lâu, từ khoảng năm 2015-2016 cho đến khi dịch Covid 19 xảy ra. Thời điểm giao các dây hụi cho con dâu và con trai bà làm chủ hụi thì bà không có tuyên bố cho các hụi viên biết, vì bà nghĩ để giữ uy tín cho vợ chồng bà U và ông I làm ăn, lúc đó vợ chồng ông I vẫn còn ở chung nhà, sau đó thì vợ chồng ông I cất nhà kế bên nhà bà để bán quán nước và ngủ bên quán luôn cho đến nay, nhưng khui hụi thì khui tại nhà bà. Từ lúc bà giao hụi cho vợ chồng ông I làm chủ hụi thì bà không đi gom tiền hụi nữa, trước đó thì có đi gom. Danh sách hụi mà ông C cung cấp cho Tòa án (trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án có đưa cho bà xem) thì không phải là của bà, mà là do vợ chồng ông I lấy tờ giao kèo giữa đầu thảo và hụi viên cũ của bà (lúc bà làm chủ hụi thì phô tô nhiều bản để sẵn) rồi vợ chồng ông I ghi tên hụi viên thêm vào chứ bà không biết.

Vì vậy, ông C khởi kiện và yêu cầu vợ chồng bà phải có trách nhiệm trả tiền nợ hụi là 50.000.000 đồng thì bà không đồng ý trả.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày:*

Bà làm con dâu, còn Trần Thanh I là con trai của bà H và ông P. Sau khi bà và ông I cưới nhau vào năm 2000 thì bà về làm dâu và vợ chồng bà sống chung với gia đình chồng. Khi đó bà H và ông P đang làm chủ hụi, làm từ năm 1996 đến nay vẫn còn làm chủ hụi. Lúc sống chung nhà, vì là con dâu nên bà thường xuyên đi gom tiền hụi giùm bà H và ông P, có khi bà đi có chồng bà đi theo, có khi bà chở bà H đi gom hụi.

Năm 2018, vợ chồng bà cất nhà ở riêng và bán quán nước kế bên nhà bà H thì bà H vẫn nhờ bà đi gom tiền hụi giùm bà H, bà chỉ là người đi gom tiền từ các hụi viên mang về giao lại cho bà H, vì làm dâu con trong nhà bà H kêu bà đi gom thì bà đi gom, kêu bà giao tiền hụi cho hụi viên đã hốt thì bà đi giao; hụi là của bà H và ông P làm chủ hụi chứ không phải bà, các lần khui hụi đều khui tại nhà bà H và ông P. Bà thừa nhận vợ chồng bà chỉ làm chủ các dây hụi tháng từ khoảng năm 2019 giờ cũng đã ngưng không khui nữa, ngoài ra không làm chủ các dây hụi mùa hay hụi vàng.

Nay ông C khởi kiện đòi bà H và ông P có trách nhiệm trả tiền nợ hụi mùa cho ông C là chuyện của họ, không liên quan đến bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh I trình bày:

Khoảng năm 2014, vợ chồng ông có làm chủ tác dây hụi tháng, không làm chủ các dây hụi mùa hay hụi vàng. Vợ chồng ông ra ở riêng từ năm 2018, cất nhà ở và bán quán nước kế bên nhà cha mẹ là bà H và ông P. Từ khi ở riêng thì các dây hụi tháng do vợ chồng ông làm chủ đều khui tại nhà ông, không khui hụi nhờ tại nhà bà H và ông P. Thời điểm khi còn ở chung nhà với cha mẹ, ông có đi gom tiền hụi giùm nhưng ít, chỉ vài ba lần, còn lại là vợ ông chở mẹ ông đi gom và giao tiền hụi cho các hụi viên, vì bà H hay bị bệnh, không biết chạy xe và vì ở chung nhà nên khi khui hụi tại nhà bà H thì vợ ông có ghi thăm giùm hụi viên lúc khui hụi hoặc ghi tên hụi viên vào danh sách hụi giùm bà H chứ vợ chồng ông không làm chủ các dây hụi mùa hay hụi vàng. Bản thân ông cũng có tham gia hụi do bà H làm chủ, hụi vẫn còn sống, do có hụi viên tham gia hụi cùng dây hụi của ông hốt rồi không đóng tiền hụi chết cho bà H nên ông có nói với các hụi viên là "tôi còn mấy dây hụi sống, nếu tay em hốt không đóng tiền hụi chết thì tôi cho mẹ tôi hốt các dây hụi của tôi lấy tiền trả cho các tay em", do lúc đó ông không nghĩ bể hụi.

Nay ông C khởi kiện đòi bà H và ông P có trách nhiệm trả tiền nợ hụi cho ông C thì ông không có ý kiến gì, vì đây là chuyện của họ, không liên quan đến ông.

- Người làm chứng bà Đặng Thị X trình bày:

Bà có tham gia chung dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 29/7/2018 âl với ông C, dây hụi có 14 phần, ông C tham gia 01 phần còn bà tham gia 02 phần, tên trong danh sách hụi viên là "7 Cứng", tên 7 Cứng là tên thường gọi ở địa phương của chồng bà, nhưng bà mới là người trực tiếp tham gia hụi với bà H và ông P. Bà H và ông P làm chủ hụi đã lâu và bà cũng tham gia hụi do họ làm chủ nhiều lần rồi, cứ mãn dây hụi này thì khui dây tiếp theo. Dây hụi này chính bà H trực tiếp rủ bà tham gia, mỗi lần khui hụi đều khui tại nhà bà H và ông P, không có lần nào khui tại nhà vợ chồng ông I, trong danh sách hụi viên giao cho bà giữ có ghi vợ chồng bà H và ông P là chủ hụi.

Quá trình tham gia hụi, lúc đầu vợ ông I (tên U, là dâu bà H) chở bà H đi gom tiền hụi của bà, sau đó bà H bị thương ở tay nên vợ ông I gom tiền. Vào năm 2021, do dịch Covid 19 xảy ra nên bà H đình hụi, 02 phần hụi của bà tham gia đều còn sống, chưa hốt nên bà cũng đang đòi bà H trả nhưng bà không đồng ý vì cho rằng bà không phải là chủ hụi. Khi bà tham gia khui hụi tại nhà bà H thì có mặt vợ chồng ông I và vợ chồng bà H, chủ dây hụi này là vợ chồng bà H và ông P chứ không phải

ai khác, vì bà tham gia hụi do vợ chồng bà H làm chủ từ trước đến giờ, chính bà H rủ và giao danh sách hụi viên là vợ chồng bà H làm chủ. Việc bà H không làm chủ hụi nữa mà giao con dâu, con trai bà làm chủ hụi thì bà không biết và cũng không ai nói với bà về việc này.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà không tham gia chung dây hụi mùa 5.000.000 đồng khui ngày 29/7/2018 âl với ông C, nhưng bà có tham gia hụi mùa do vợ chồng bà H và ông P làm chủ khui vào năm 2017, lúc đó bà U và ông I vẫn còn ở chung nhà với họ, cũng có đi gom tiền hụi thay cho bà H và ông P. Danh sách hụi viên các dây hụi này bà không còn giữ nhưng tên chủ hụi là bà H và ông P, mỗi lần khui hụi đều khui tại nhà bà H. Vào năm 2021, do dịch Covid 19 nên bà H và ông P đình hụi không khui nữa, bà H có thừa nhận và trả được một phần tiền hụi cho bà, còn lại thì được cấn trừ tiền hụi sống qua tiền hụi chết thì hiện nay bà H còn nợ bà khoảng hơn 17.000.000 đồng, nên bà xác định bà H và ông P là chủ dây hụi của bà chứ không phải vợ chồng con trai bà làm chủ. Việc bà H không làm chủ hụi mà giao cho con dâu và con trai bà làm chủ hụi thì bà không biết, vì trong lúc tham gia hụi thì bà H không nói gì về việc này. Ngoài ra, bà cũng có tham gia hụi tháng do bà U và ông I làm chủ, mỗi lần khui hụi là khui tại nhà vợ chồng bà U, họ cũng thừa nhận nợ và cũng đồng ý trả tiền nợ hụi tháng cho bà xong.

- Người làm chứng bà Lê Thị Tuyết L trình bày (Tòa án xác minh theo yêu cầu của bà H):

Bà có tham gia chung dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 29/7/2018 âl với ông C, dây hụi có 14 phần, ông C tham gia 01 phần, còn bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi là "Ngân Y", chính bà là người trực tiếp tham gia hụi. Khi hụi khui đến lần thứ tư thì bà hốt hụi, chính vợ I tên U là người rủ bà tham gia hụi, gom tiền hụi và cũng là người giao tiền hụi hốt cho bà (giao tiền hụi hốt tại nhà bà H và ông P), nhưng chính bà H là người giao danh sách hụi cho bà giữ, trong đó ghi bà H và ông P làm chủ hụi, mỗi lần khui hụi đều khui tại nhà bà H, có mặt vợ chồng bà H và vợ chồng ông I, nên bà cũng không biết thực chất dây hụi này do ai làm chủ hụi. Trước đây bà có tham gia nhiều dây hụi do bà H và ông P làm chủ hụi và hiện nay hụi đã mãn, bà tham gia hết dây hụi này thì khui dây hụi mới nối tiếp luôn, người trực tiếp rủ bà tham gia hụi có khi bà H, có khi vợ ông I, vì lúc đó họ ở chung nhà, nên bà nghĩ ai rủ cũng được. Quá trình tham gia dây hụi khui ngày 29/7/2018 âl thì bà H không cho bà biết là vợ chồng bà H làm chủ hụi hay vợ chồng ông I làm chủ hụi. Đến khi dịch Covid 19 xảy ra thì bà H nói đình hụi, không khui nữa và bà ngưng không đóng tiền hụi chết nữa. Do vợ chồng ông I có nợ bà tiền vay và tiền hụi tháng trước đó nên bà đã khấu trừ qua tiền hụi chết này luôn. Bà có tham gia hụi tháng do vợ chồng ông I làm chủ hụi, mỗi lần khui hụi tại nhà vợ chồng ông I nhưng giờ cũng ngưng hụi rồi.

- Người làm chứng ông Tô Văn E trình bày (Tòa án xác minh theo yêu cầu của bà H):

Ông tham gia dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 02/3/2017 âl, có 15 phần, hụi do bà U, ông I làm chủ hụi từ năm 2017, ông chỉ tham gia 01 dây hụi này và không tham gia chung dây hụi với ông C. Khi tham gia hụi thì mỗi lần khui hụi đều khui

tại nhà bà H và ông P, dây hụi này chính vợ ông I rủ ông tham gia và cũng chính vợ ông I đi gom tiền hụi, danh sách hụi viên giao cho ông giữ thì ghi bà H và ông P làm chủ hụi. Ông xác định dây hụi mùa 5.000.000 đồng khui ngày 02/3/2017 âl là do vợ chồng ông I làm chủ hụi, vì chính vợ ông I rủ ông tham gia, gom tiền hụi của ông và cũng là người giao danh sách hụi viên cho ông giữ (chỉ mới giao cách đây 01 năm). Có lần khui hụi tại nhà bà H thì ông I đứng ra nói "bà con nào tham gia hụi 02 chưng thì hốt 01 chưng, giữ lại 01 chưng, Hải còn 6 - 7 chưng hụi sống, nếu có gì thì Hải sẽ giải quyết cho bà con, bà con đừng sợ". Từ lúc tham gia hụi cho đến khi ngừng hụi thì không ai nói với ông chủ hụi là ai và ông cũng không hỏi. Ông có bà con xa với ông P.

- Tại phên tòa bà Huỳnh Thị Mỹ A và bà Trần Thị N trình bày:

Tuy các bà không tham gia cùng dây hụi mùa với ông C, nhưng đều xác định vợ chồng bà U và ông I không có làm chủ hụi mùa hay hụi vàng, mà chỉ làm chủ hụi tháng và xác định bà H và ông P là chủ hụi các dây hụi mùa từ nào tới giờ.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09/6/2022 thì nguyên đơn yêu cầu bà H và ông P có trách nhiệm trả cho ông số tiền hụi 50.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà H và ông P có trách nhiệm trả cho ông số tiền hụi đã đóng 09 lần x 5.000.000 đồng là 45.000.000 đồng.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 117, Điều 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); căn cứ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn C. Buộc bị đơn bà Lê Thị H và ông Trần Văn P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn C số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải cùng liên đới trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2022, bị đơn bà H có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà H không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng dây hụi nguyên đơn khởi kiện là có thật, hụi ngưng khoảng tháng 3/2021 do dịch Covid 19 và có thiếu nguyên đơn tiền hụi, nhưng là do vợ chồng bà U và ông I thiếu, vì bà U và ông I làm chủ hụi, khui hụi, gom hụi và giao tiền hụi không phải bà, nên bà không có trách nhiệm trả tiền hụi cho ông C. Các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn ông Phạm Văn C vắng mặt không rõ lý do; bị đơn ông Trần Văn P vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U và ông Trần Thanh I đều vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà H về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, theo người làm chứng do bà H yêu cầu Tòa án xác minh gồm: Bà Lê Thị Tuyết L (BL số 80) là hụi viên tham gia chung dây hụi với ông C (tên trong danh sách hụi viên là Ngân Y), xác định: Chính bà H là người giao danh sách hụi cho bà, trong danh sách hụi viên thì ghi tên bà H và ông P làm chủ hụi. Còn đối với người làm chứng bà Đặng Thị X, bà Trần Thị N, bà Lê Thị Tuyết L, bà Nguyễn Thị T (BL số 77 - 83) đều xác định: Các lần khui hụi mùa đều tại nhà bà H và ông P, không lần nào khui tại nhà bà U và ông I. Khi đi gom tiền hụi của các hụi viên thì lúc đầu con

dâu bà H tên U chở bà H đi gom tiền, lúc sau thì bà H mới không đi, các bà không biết việc bà H và ông P nghỉ làm chủ hụi mà giao cho bà U và ông I làm làm chủ hụi. Riêng bà X xác định dây hụi mà bà tham gia chung với ông C là do bà H trực tiếp rủ bà tham gia hụi. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2022 (BL số 30) bà H cho rằng thời điểm giao các dây hụi cho con trai và con dâu bà làm chủ hụi thì bà không có tuyên bố cho các hụi viên biết, gì bà nghĩ để giữ uy tín cho bà U và ông I làm ăn. Điều đó chứng tỏ không có việc bà H giao dây hụi mùa này cho bà U và ông I làm chủ hụi. Mặc dù, sau khi kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành lấy lời khai ngày 29/12/2022 bà H cho rằng trước đây bà có làm chủ hụi, nhưng đã ngưng làm chủ hụi từ năm 2016 đến nay, vì năm 2015 con trai út bà chết, nên bà giao hụi lại cho con dâu bà tên U và con trai bà tên Hải làm chủ hụi, khi giao hụi lại thì bà có nói cho hụi viên nghe, nhưng bà không xác định được người nghe. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác định dây hụi nguyên đơn khởi kiện là có thật, hụi ngưng khoảng tháng 3/2021 do dịch Covid 19 và có thiếu nguyên đơn tiền hụi, nhưng là do vợ chồng bà U và ông I thiếu, vì bà U và ông I làm chủ hụi, khui hụi, gom hụi và giao tiền hụi không phải bà. Còn bà U và ông I thì không thừa nhận mà cho rằng dây hụi mùa nêu trên là do bà H và ông P làm chủ hụi. Ngoài lời trình bày ra thì bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bà đã giao hụi lại cho bà U và ông I làm chủ hụi đối với dây hụi mùa nêu trên và bà cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà đã thông báo cho hụi viên biết bà ngưng hụi. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định dây hụi mùa khui ngày 29/7/2018 âl là do bà H và ông P làm chủ hụi và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Từ những nhận định tại mục [3] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà H sinh năm 1951 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn C. Buộc bị đơn bà Lê Thị H và ông Trần Văn P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn C số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải cùng liên đới trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị H và ông Trần Văn P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Phạm Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003911 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn